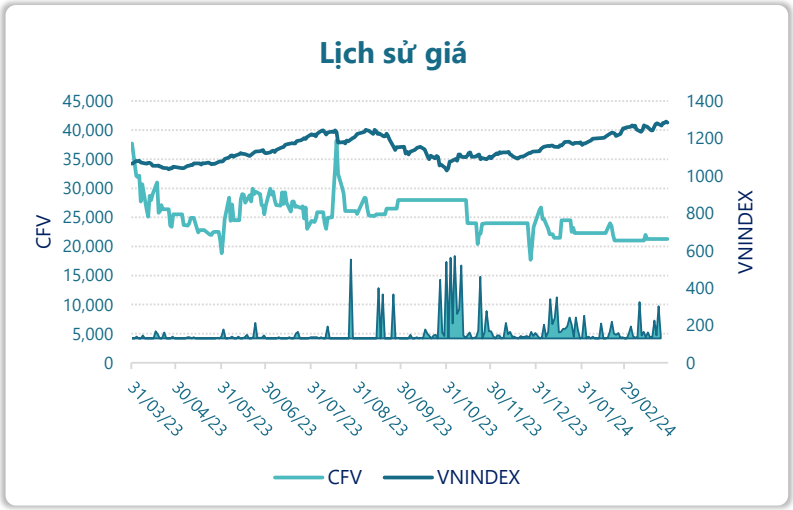
FireAnt

CTCP Cà phê Thắng Lợi (UPCOM: CFV)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**21,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,700
SL cổ phiếu LH	12,650,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	200
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	269
P/E	22.2
EPS	958

DT thuần

Q1/24

165

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 90.5| 122%

YoY: ▲ 50.0| 43.9%

LN sau thuế

Q1/24

10.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.76| 347%

YoY: ▲ 8.60| 615%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

1.5%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

2023

456

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.00| 1.2%

LN sau thuế

2023

3.54

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.22| 167%

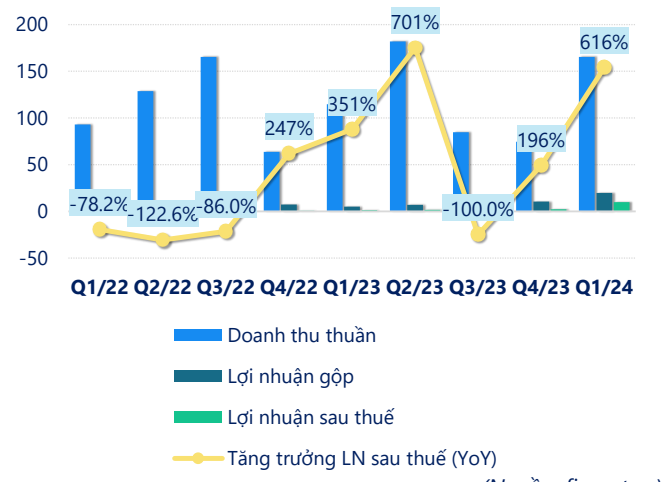
ROE

2023

2.6%

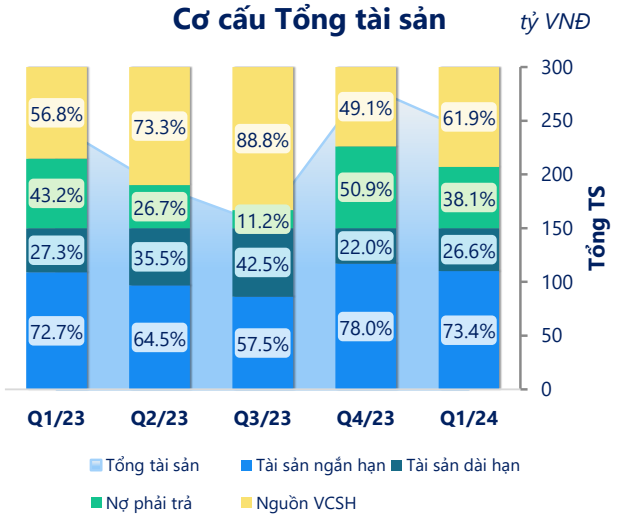
+/- YoY: ▲ 1.6%

Kết quả kinh doanh



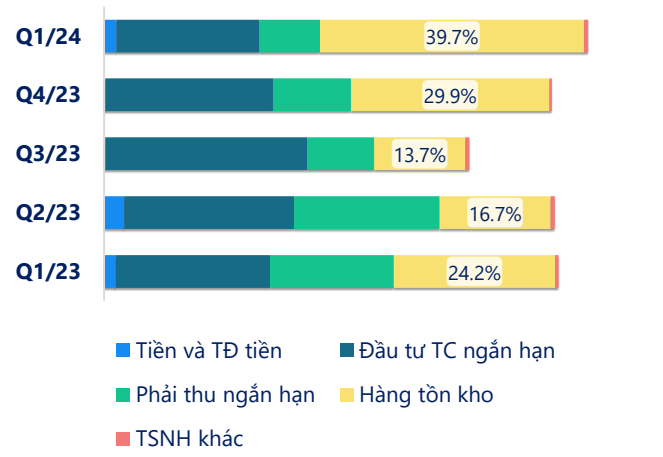
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



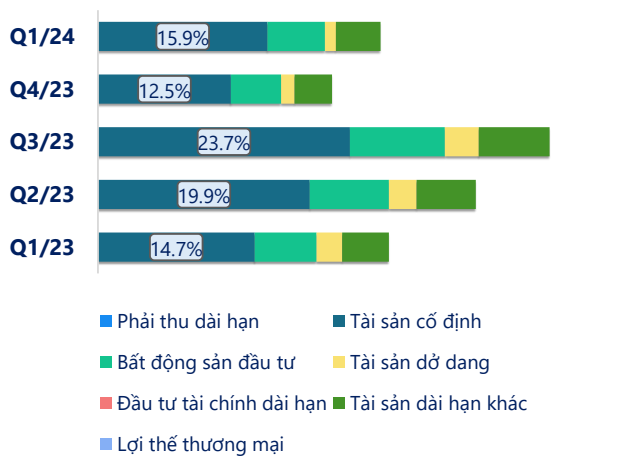
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



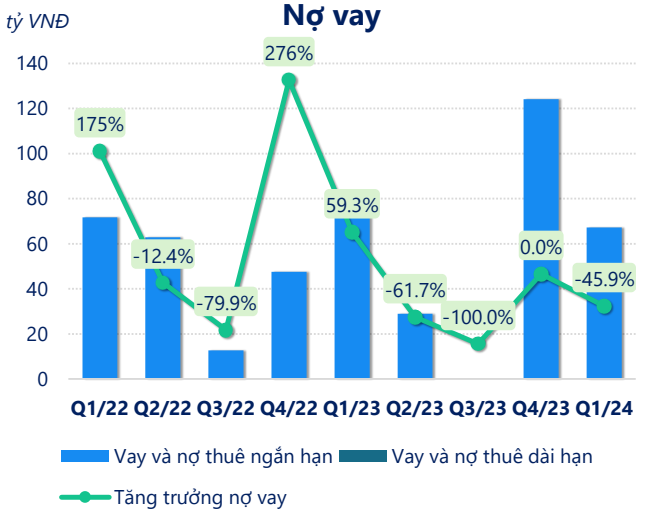
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



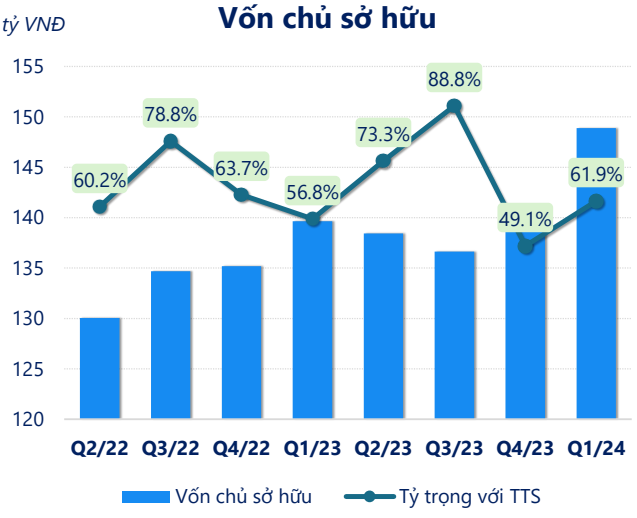
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



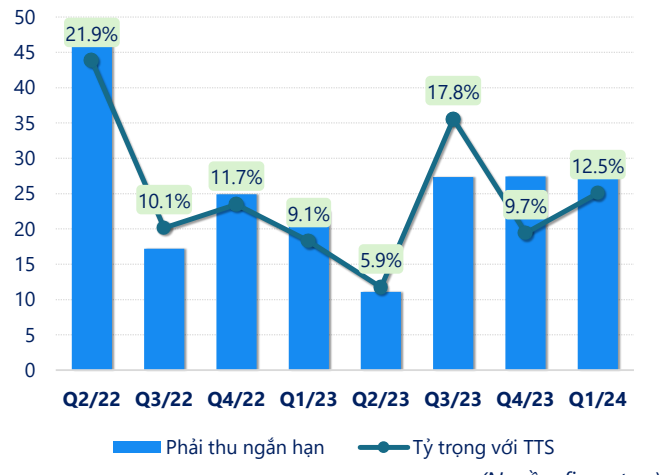
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



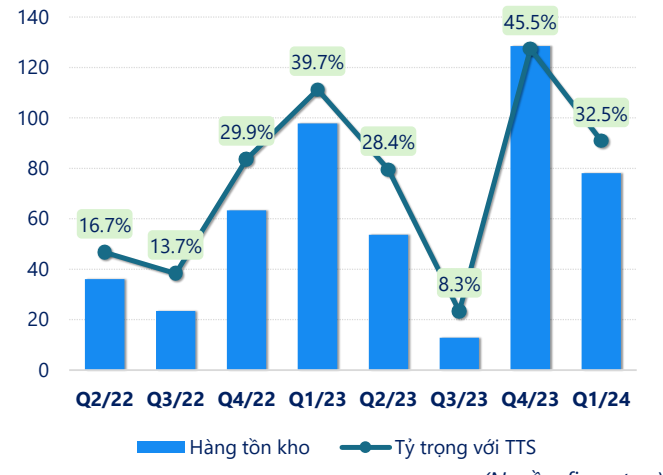
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



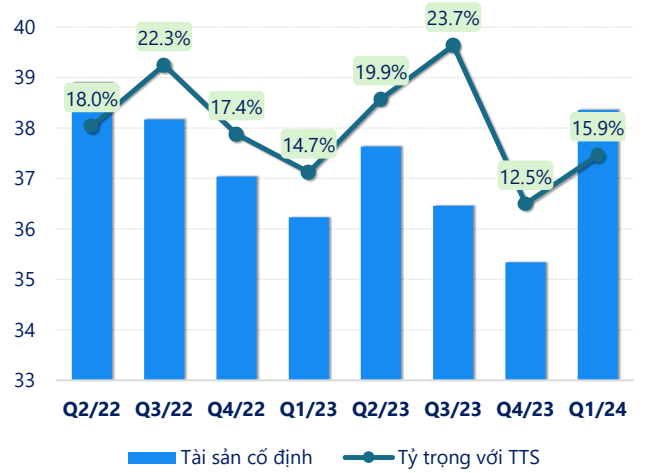
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



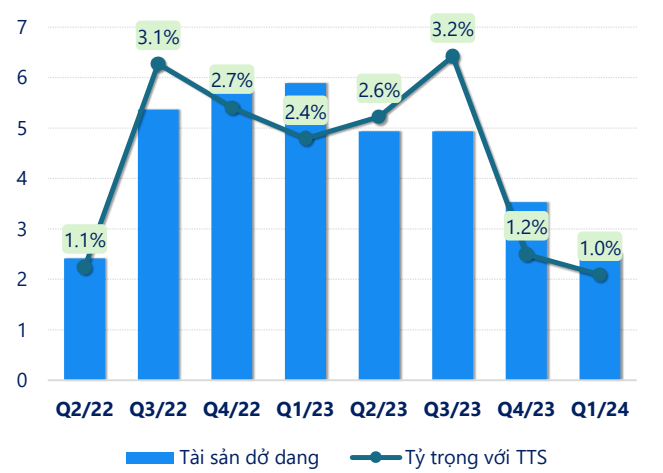
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



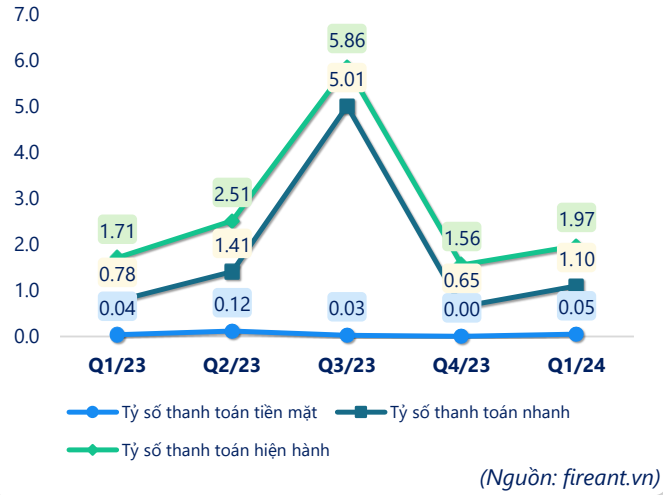
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



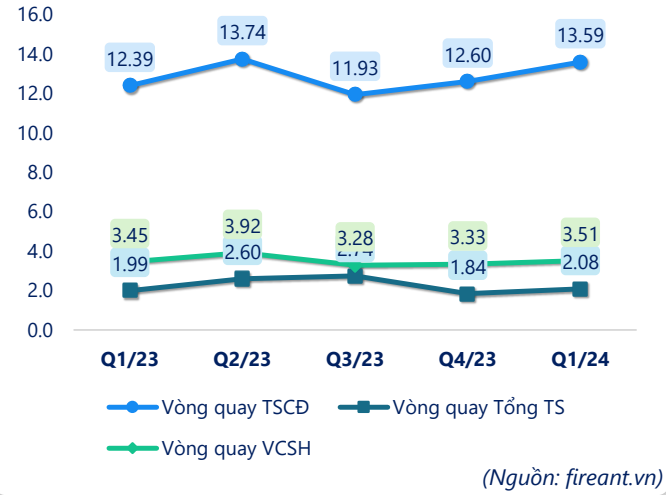
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**246**	**189**	**154**	**283**	**241**
Tài sản ngắn hạn	**179**	**122**	**88.5**	**220**	**177**
Tiền và tương đương tiền	4.21	5.74	0.43	0.66	4.51
Đầu tư tài chính ngắn hạn	52.8	50.1	46.8	62.8	62.8
Phải thu ngắn hạn	22.5	11.1	27.4	27.4	30.2
Hàng tồn kho	97.7	53.7	12.8	129	78.1
Tài sản ngắn hạn khác	1.48	1.25	1.06	0.95	1.04
Tài sản dài hạn	**67.3**	**67.1**	**65.3**	**62.2**	**63.9**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	36.2	37.6	36.5	35.3	38.4
Bất động sản đầu tư	14.3	14.1	13.7	13.3	13.0
Tài sản dở dang	5.89	4.94	4.94	3.53	2.52
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.8	10.5	10.2	9.98	10.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**106**	**50.5**	**17.2**	**144**	**91.7**
Nợ ngắn hạn	**104**	**48.5**	**15.1**	**142**	**89.6**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	75.7	29.0	0	124	67.2
Phải trả người bán ngắn hạn	10.2	1.07	0.62	0.78	1.27
Nợ dài hạn	2.08	2.08	2.08	2.09	2.10
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**140**	**138**	**137**	**139**	**149**
Vốn chủ sở hữu	**140**	**138**	**137**	**139**	**149**
Vốn điều lệ	127	127	127	127	127
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)